

## TỜ TRÌNH

Về bố trí dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên để thực hiện các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng  
Khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 14

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 9 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Theo Công văn số 246/HĐND-VP ngày 19 tháng 9 năm 2023 của HĐND thành phố Đà Nẵng về tài liệu trình tại Kỳ họp thứ 13 HĐND thành phố khóa X; đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3666/STC-TCDN ngày 01/11/2023 và Công văn số 3728/STC-QLNS ngày 06/11/2023; sau khi thống nhất tại cuộc họp thường kỳ ngày 10/11/2023, UBND thành phố kính trình HĐND thành phố về bố trí dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 từ nguồn chi thường xuyên và thông qua chủ trương bố trí nguồn kinh phí những năm tiếp theo để thực hiện các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn thành phố như sau:*

### **I. THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC GÓI THẦU CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, UBND thành phố có Công văn số 5807/UBND-STC thống nhất thời gian thực hiện các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; cụ thể như sau:

#### **1. Thời gian thực hiện 03 năm đối với các gói thầu**

a) Dịch vụ chiếu sáng đô thị.

b) Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay.

c) Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng.

d) Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

đ) Dịch vụ quản lý, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

e) Dịch vụ quản lý, vận hành, bảo trì bãi đỗ xe.

## **2. Thời gian thực hiện 05 năm đối với các gói thầu**

a) Dịch vụ cung cấp phương tiện và dịch vụ vận tải hành khách công cộng cho các tuyến xe buýt trợ giá.

b) Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung.

## **II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

1. Đối với kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm (2023-2025), UBND thành phố đã có Báo cáo số 392/BC-UBND ngày 09/12/2022 trình HĐND thành phố tại Kỳ họp cuối năm 2022. Trong đó dự kiến tổng thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2023-2025 là 72.436 tỷ đồng, tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025 bình quân 2,1%/năm. Căn cứ khả năng thu NSNN, thành phố dự kiến chi NSDP giai đoạn 2023-2025 phù hợp với kế hoạch phát triển KT-XH của thành phố; đảm bảo cân đối ngân sách để bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi.

2. Kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước giai đoạn tiếp theo (2024-2026), UBND thành phố tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan để trình HĐND thành phố tại Kỳ họp cuối năm 2023; trong đó căn cứ theo khả năng cân đối ngân sách sẽ tham mưu bố trí đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chi, bao gồm cả nguồn kinh phí để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện dịch vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phân cấp và theo quy định.

## **III. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC GÓI THẦU CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG**

Qua rà soát dự toán các gói thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công, khối lượng dự toán không tăng nhiều so với giai đoạn 2021 - 2023 do hạ tầng kỹ thuật của thành phố gần như hoàn thiện, việc tiếp nhận bàn giao các công trình chiếu sáng, cầu, đường bộ... tăng không đáng kể. Tuy nhiên, theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ, từ ngày 01/7/2023, mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng, tăng 20,8% so với giai đoạn trước đây (1.490.000 đồng/tháng).

Để có cơ sở cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công phê duyệt dự toán chi tiết và triển khai lựa chọn nhà thầu theo quy định; đồng thời để đảm bảo tính liên tục, xuyên suốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, UBND thành phố kính trình HĐND thành phố thông qua dự toán

ngân sách nhà nước năm 2024 với tổng số tiền là 408.052 triệu đồng (Bốn trăm lẻ tám tỷ, không trăm năm mươi hai triệu đồng) và chủ trương bố trí nguồn kinh phí những năm tiếp theo là 902.201 triệu đồng (Chín trăm lẻ hai tỷ, hai trăm lẻ một triệu đồng) để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Dự toán dịch vụ quản lý vận hành và duy trì điện chiếu sáng công cộng năm 2024 là 85 tỷ đồng; năm 2025 là 85 tỷ đồng; năm 2026 là 85 tỷ đồng.

2. Dự toán dịch vụ chăm sóc, duy trì thường xuyên cây xanh công cộng đường Hoàng Văn Thái nối dài đi Bà Nà năm 2024 là 7.677 triệu đồng; năm 2025 là 7.517 triệu đồng; năm 2026 là 7.518 triệu đồng.

3. Dự toán dịch vụ xử lý chất thải rắn tại bãi rác Khánh Sơn năm 2024 là 26.161 triệu đồng.

4. Dự toán dịch vụ quản lý, bảo trì cầu, đường bộ và đường thủy nội địa năm 2024 là 86.694 triệu đồng; năm 2025 là 86.567 triệu đồng; năm 2026 là 86.567 triệu đồng.

5. Dự toán dịch vụ quản lý, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông năm 2024 là 12.206 triệu đồng; năm 2025 là 12.083 triệu đồng; năm 2026 là 12.083 triệu đồng.

6. Dự toán dịch vụ vệ sinh môi trường ven biển, rừng phòng hộ và các điểm du lịch trên bán đảo Sơn Trà năm 2024 là 9.902 triệu đồng; năm 2025 là 9.902 triệu đồng; năm 2026 là 9.902 triệu đồng.

7. Dự toán dịch vụ duy tu, bảo dưỡng cây xanh cảnh quan tuyến đường ven biển Hoàng Sa - Võ Nguyên Giáp - Trường Sa năm 2024 là 10.400 triệu đồng; năm 2025 là 10.400 triệu đồng; năm 2026 là 10.400 triệu đồng.

8. Dự toán dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghệ cao năm 2024 là 20 tỷ đồng; năm 2025 là 20 tỷ đồng; năm 2026 là 20 tỷ đồng.

9. Dự toán dịch vụ duy trì thường xuyên cây xanh đô thị và quản lý, vận hành, duy tu công viên, vườn dạo bố trí cho UBND các quận, huyện năm 2024 là 105.334 triệu đồng; giai đoạn 2024-2026 là 316.002 triệu đồng.

10. Dự toán dịch vụ thoát nước đô thị bố trí cho UBND các quận, huyện năm 2024 là 44.678 triệu đồng; giai đoạn 2024-2028 là 273.272 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, thông qua. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND các quận, huyện;
- Các sở: TC; XD, GTVT, DL, TNMT, NNPTNT;
- BQL Khu CNC và các KCN;
- CVP, P.KT, ĐTĐT;
- Lưu: VT, STC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**M. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Kỳ Minh**



**Phụ lục I**  
**DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN**  
**CÁC GÓI THẦU CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Đính kèm Tờ trình số 197 /TTr-UBND ngày 11 /11/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	Tỉ lệ DT2024/D T2023
1	Dự toán dịch vụ quản lý vận hành và duy trì điện chiếu sáng công cộng năm 2024	72.000	85.000	85.000	85.000	118%
2	Dự toán dịch vụ chăm sóc, duy trì thường xuyên cây xanh công cộng đường Hoàng Văn Thái nối dài đi Bà Nà	7.540	7.677	7.517	7.518	102%
3	Dự toán dịch vụ xử lý chất thải rắn tại bãi rác Khánh Sơn	25.500	26.161	-	-	103%
4	Dự toán dịch vụ quản lý, bảo trì cầu, đường bộ và đường thủy nội địa	76.491	86.694	86.567	86.567	113%
5	Dự toán dịch vụ quản lý, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông	11.300	12.206	12.083	12.083	108%
6	Dự toán dịch vụ vệ sinh môi trường ven biển, rừng phòng hộ và các điểm du lịch trên bán đảo Sơn Trà	7.590	9.902	9.902	9.902	130%
7	Dự toán dịch vụ duy tu, bảo dưỡng cây xanh cảnh quan tuyến đường ven biển Hoàng Sa - Võ Nguyên Giáp - Trường Sa	8.624	10.400	10.400	10.400	121%
8	Dự toán dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghệ cao	20.000	20.000	20.000	20.000	100%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>229.045</b>	<b>258.040</b>	<b>231.469</b>	<b>231.470</b>	<b>113%</b>



Phụ lục II

**ĐƯ TOÁN DỊCH VỤ DUY TRÌ THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH; QUẢN LÝ, VẬN HÀNH,  
DUY TU CÔNG VIÊN, VƯỜN DẠO VÀ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ  
THEO PHÂN CẤP TRÊN ĐỊA BÀN CÁC QUẬN, HUYỆN**

(Đính kèm Tờ trình số 197 /TTr-UBND ngày 11/11/2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	DỊCH VỤ DUY TRÌ THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH; QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, DUY TU CÔNG VIÊN, VƯỜN DẠO				DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ			
		Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	Dự toán giai đoạn 2024- 2026	Tỉ lệ DT2024/ DT2023	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	Dự toán giai đoạn 2024- 2028	Tỉ lệ DT2024/ DT2023
1	UBND quận Hải Châu	15.218	18.804	56.412	124%	7.425	9.522	47.610	128%
2	UBND quận Thanh Khê	16.070	19.465	58.395	121%	12.302	10.945	60.285	89%
3	UBND quận Sơn Trà	9.358	11.592	34.776	124%	7.550	3.576	29.847	47%
4	UBND quận Ngũ Hành Sơn	9.146	11.034	33.102	121%	9.610	4.651	25.895	48%
5	UBND quận Liên Chiểu	9.084	11.211	33.633	123%	8.044	4.920	49.274	61%
6	UBND quận Cẩm Lệ	21.344	26.396	79.188	124%	16.190	9.143	45.716	56%
7	UBND huyện Hòa Vang	8.409	6.832	20.496	81%	11.381	1.921	14.645	17%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.629</b>	<b>105.334</b>	<b>316.002</b>	<b>119%</b>	<b>72.502</b>	<b>44.678</b>	<b>273.272</b>	<b>62%</b>